

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2024/DS-ST**

Ngày 20/02/2024.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG**
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Minh Nhựt**

Ông **Nguyễn Thành Thái**

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký
TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2023/TLST- DS ngày 11 tháng 9 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS, ngày 02/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST- DS ngày 19/01/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị L**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp B H, xã MH, huyện C T, tỉnh K G.

* Bị đơn: Ông **Lâm Văn Ph**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp H Th, xã M H, huyện C T, tỉnh K G

(Bà L có mặt; ông Ph vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị L trình bày như sau:** Năm 2015, 2016 bà có bán phân bón, thuốc trừ sâu và thuốc bảo vệ thực vật cho ông Lâm Văn Ph. Trong quá trình mua bán với nhau ông Ph còn nợ lại bà số tiền là 16.000.000 đồng. Bà đã yêu cầu ông Ph thanh toán nợ cho bà nhưng ông Ph không thực hiện. Ngày 02/9/2021 bà có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 02/9/2021 của ấp Hòa Lợi, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thì ông Ph đồng ý trả cho bà tiền nợ vật tư nông nghiệp và tiền lãi từ năm 2016 cho đến năm 2021 là 25.600.000 đồng. Đến ngày 6/9/2021 ông Ph đã trả cho bà được 4.000.000 đồng, còn nợ lại 21.600.000 đồng thì không thực hiện nữa. Nay bà yêu cầu ông Lâm Văn Ph trả cho bà số tiền mua vật tư

nông nghiệp còn nợ là **21.600.000** đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 06/9/2021 cho đến khi kết thúc vụ án.

Ngoài ra, bà không yêu cầu ai khác có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng ông Ph.

*** Bị đơn ông Lâm Văn Ph:** Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án không nhận được văn bản thể hiện ý kiến cũng như yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa:**

- Bà L trình bày: Bà xác định số tiền 4.000.000 đồng ông Ph trả vào ngày 06/9/2021 là trả nợ gốc. Như vậy, ông Ph còn nợ bà tiền gốc là 12.000.000 đồng và tiền lãi là 9.6000.000 đồng. Tổng cộng là 21.6000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Ph trả cho bà số tiền là 21.600.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 12.000.000 đồng kể từ ngày 06/9/2021 cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lâm Văn Ph là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà L, Hội đồng xét xử thấy giữa bà L và ông Ph có thực hiện việc mua bán vật tư nông nghiệp với nhau vào năm 2015, 2016 là đúng sự thật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà L đã cung cấp cho Tòa án Biên bản hòa giải cơ sở ngày 02/9/2021 (bút lục 02, 03). Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Ph không có bất cứ sự phản hồi nào đối với yêu cầu của nguyên đơn nên căn cứ theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định nghĩa vụ chứng minh của đương sự *“Đương sự phản hồi yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản hoặc phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản hồi đó”*. Như vậy, xem như ông Ph đã mặc nhiên thừa nhận các tài liệu chứng cứ do bà L cung cấp cho Tòa án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở để chấp nhận.

Về lãi suất: Xét yêu cầu tính lãi của bà L đối với số tiền 12.000.000 đồng theo lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định. HĐXX xét thấy, yêu cầu tính lãi của bà L là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Cụ thể lãi suất được tính như sau: 12.000.000 đồng x 29 tháng, 14 ngày x 0.833%/tháng (tính từ ngày 06/9/2021 đến ngày 20/02/2024) = 2.945.500 đồng (làm tròn).

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi buộc ông Ph phải trả cho bà L là 24.545.500 đồng (Trong đó, nợ gốc là 12.000.000 đồng và lãi là 12.545.500 đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Án phí được tính như sau: 24.545.500 đồng x 5% = 1.227.300 đồng (làm tròn).

Buộc ông Ph phải chịu án phí là 1.227.300 đồng.

Bà L không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 430, Điều 440 và Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015 .

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L.

Buộc ông Lâm Văn Ph phải trả cho bà Lâm Thị L số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng và lãi là 12.545.500 đồng. Tổng cộng là 24.545.500 đồng (Hai mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng ông Ph còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phai thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2/ Về án dân sự giá ngạch: Ông Ph phải chịu là 1.227.300 đồng.

Trả lại cho bà Lâm Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 540.000 đồng theo biên lai thu số: 0000984 ngày 11/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

3/ Quyền kháng cáo: Bà L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ph có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Thảo

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2023/DS-ST**

Ngày 29/5/2023.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Hợp**

Ông **Nguyễn Thành Thái**

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** - Thư ký
TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham
gia phiên tòa:*** Ông **Lê Quốc Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành,
tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2022/TLST-
DS ngày 14 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-DS, ngày 05/5/2023 và Quyết
định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST- DS ngày 19/5/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Thủy**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Đông Thọ A, xã Thạnh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Sang**, sinh năm 1973 và ông **Huỳnh Văn Tình**, sinh
năm 1962.

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa Bình, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Bà Thủy có mặt; bà Sang, ông Tình vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Thủy,
nguyên đơn trình bày như sau:*** Ngày 05/02/2015, vợ chồng anh của bà là ông
Huỳnh Văn Tình và bà Nguyễn Thị Sang có hỏi vay bà 03 (ba) chỉ vàng 24K (loại
vàng nhẫn nữ trang) và 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận
0,9%/tháng (theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay). Từ khi vay đến nay ông Tình,
bà Sang chưa trả cho bà nợ gốc và lãi vay. Bà đã yêu cầu vợ chồng ông Tình bà Sang

trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông Tình bà Sang cố tình không trả nên bà có đơn yêu cầu và Ban lãnh đạo ấp Hòa Bình đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay ông bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Tình, bà Sang trả cho bà 03 (ba) chỉ vàng 24K và 50.000.000 đồng. Đồng thời tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 50.000.000 đồng từ khi vay cho đến khi kết thúc vụ án.

*** Ông Huỳnh Văn Tình và bà Nguyễn Thị Sang là bị đơn trình bày như sau:** Vào năm 2013, vợ chồng ông bà có vay của bà Huỳnh Thị Thủy 03 chỉ vàng 24K và 50.000.000 đồng, không lập giấy biên nhận, lãi suất thỏa thuận miệng là 25.000 VND/1.000.000/tháng. Vợ chồng ông bà trả lãi cho bà Thủy được khoảng 2 năm thì không còn khả năng trả lãi. Năm 2015, vợ chồng ông bà vào TP.HCM làm ăn, không ở địa phương. Khi đó bà Thủy gặp vợ chồng ông bà tại TP.HCM, yêu cầu vợ chồng ông bà ký vào giấy nhận tiền vay 03 chỉ vàng 24K và 50.000.000 đồng (vay năm 2013), giấy biên nhận vay tiền ngày 05/02/2015 (biên nhận này do bà Thủy viết, vợ chồng ông bà chỉ ký tên, không đọc nội dung khi ký). Sau đó (cũng trong năm 2015) vợ chồng ông bà có cố QSD đất cho bà Thủy với số tiền là 150.000.000 đồng. Số tiền này gồm 03 chỉ vàng 24K, số tiền vay 50.000.000 đồng (theo giấy biên nhận ngày 05/02/2015) và tiền lãi mà vợ chồng ông bà còn nợ bà Thủy, bà Thủy có đưa cho vợ chồng ông bà thêm một số tiền cho đủ số tiền 150.000.000 đồng cố đất (vợ chồng ông bà không nhớ cụ thể là bao nhiêu). Số tiền đất 150.000.000đ thực chất là để trừ nợ, vợ chồng ông bà không nhận thêm 150.000.000đ của bà Thủy. Từ khi vợ chồng ông bà cố đất thì bà Thủy là người quản lý và sử dụng mảnh đất đó.

Ngày 11/01/2017, chồng bà Thủy (ông Phạm Hồng Oanh) có trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mong Thọ A thay cho vợ chồng ông bà số tiền 351.980.000 đồng và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông bà đã thế chấp cho Quỹ tín dụng. Vào ngày 29/10/2017, vợ chồng ông bà có ký tên vào tờ bán đất (do bà Thủy viết), chuyển nhượng cho bà Thủy phần đất 10 công tầm lớn, đất tọa lạc tại ấp Đông Thọ A, xã Thạnh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang với giá 500.000.000 đồng. Thời điểm lập tờ bán đất, bà Thủy là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền 500.000.000 đồng này đã được căn trừ vào số tiền cố đất vào năm 2015 và tiền ông Oanh đã trả nợ cho Quỹ tín dụng Mong Thọ A thay cho vợ chồng ông bà (ngày 11/01/2017). Vợ chồng ông bà không nhận số tiền 500.000.000 đồng bán đất từ bà Thủy.

Nay, bà Thủy thì vợ chồng ông bà không đồng ý trả vì số tiền vay 03 chỉ vàng 24K và 50.000.000 đồng (theo biên nhận đề ngày 05/02/2015), vợ chồng ông bà đã tính vào số tiền cố đất năm 2015.

*** Tại phiên tòa:**

- Bà Thủy trình bày: Yêu cầu vợ chồng ông Tình, bà Sang trả cho bà 03 (ba) chỉ vàng 24K nhưng quy ra thành tiền để thanh toán, giá trị tính tại thời điểm xét xử là 5.655.000 đồng/chỉ và số tiền 50.000.000 đồng. Bà rút lại yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 50.000.000 đồng.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thủy. Buộc vợ chồng ông Tình, bà Sang trả cho bà Huỳnh Thị Thủy 03 (ba) chỉ vàng 24K và 50.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Sang và ông Huỳnh Văn Tình là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Sang, ông Tình là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về chứng cứ: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Thủy đã cung cấp cho Tòa án Biên nhận ngày 05/2/2015. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho ông Tình, bà Sang. Ông Tình, bà Sang đã được tiếp cận chứng cứ do bà Thủy cung cấp, ông bà thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ ngày 05/02/2015 nhưng ông bà không đồng ý trả và ông bà không có yêu cầu phản tố nên căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

[4] Về nội dung vụ án: Bà Huỳnh Thị Thủy yêu cầu ông Tình, bà Sang trả cho bà Thủy 03 (ba) chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 16.965.000 đồng) và 50.000.000 đồng. Đồng thời tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 50.000.000 đồng từ khi vay cho đến khi kết thúc vụ án.

[4.1] Về nợ gốc:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Thủy xác nhận có cho vợ chồng ông Tình, bà Sang vay 03 (ba) chỉ vàng 24K (loại vàng nhẫn nữ trang) và 50.000.000 đồng. Theo bà Thủy khi vay hai bên có làm biên nhận nợ ngày 05/02/2015, có thỏa thuận vay 9%/năm. Từ khi vay cho đến nay ông Tình bà Sang không trả nợ gốc cũng như tiền lãi cho bà như thỏa thuận. Tại biên bản hòa giải ngày 08/11/2023 (BL 21, 22) và biên bản ghi lời khai ngày 06/4/2023 (Bl 43, 44) ông Tình, bà Sang thừa nhận vào năm 2013 có vay của bà Thủy 03 (ba) chỉ vàng 24K và 50.000.000 đồng. Khi vay hai bên không có làm biên nhận nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất là 25.000 VND/1.000.000/tháng, ông bà đã đóng lãi cho bà Thủy được 02 năm thì không có khả năng đóng nữa. Đến năm 2015, ông bà có ký tên vào biên nhận ngày 05/02/2015 nhưng ông bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà Thủy. Vì ông bà khai rằng: Do không trả được nợ vay nên giữa ông bà và bà Thủy có thỏa thuận là ông bà cố đất cho bà Thủy. Hai bên có làm tờ cố đất ngày 9/4/2015 nhưng ông bà không có nhận tiền cố đất 150.000.000 đồng mà số tiền này là 03 chỉ vàng 24k và 50.000.000 đồng cộng với tiền lãi ông bà còn thiếu bà Thủy và bà Thủy có đưa thêm cho ông bà một ít tiền, nên ông bà không còn nợ bà Thủy vì đã cản trừ vào tiền cố đất. Xét lời khai của ông Tình, bà Sang là không có căn cứ. Bởi lẽ, ông bà không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của ông bà và cũng không được phía bà Thủy thừa nhận. Từ những cơ sở và nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông Tình, bà Sang đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên yêu cầu khởi kiện của bà Thủy là có cơ sở để chấp nhận. Nên cần buộc ông Huỳnh Văn Tình và và Nguyễn Thị Sang có trách nhiệm liên đới trả cho bà Thủy 03 chỉ vàng 24k tương đương số tiền 16.965.000 đồng và 50.000.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản là 66.965.000 đồng

[4.2] Về lãi suất: Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Thủy rút lại yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút lại yêu cầu tính lãi suất của bà Thủy là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay 50.000.000 đồng

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí dân sự có giá ngạch:

Án phí được tính như sau: 66.965.000 đồng x 5% = 3.349.000 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thủy.

Buộc ông Huỳnh Văn Tình và bà Nguyễn Thị Sang có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Thủy 03 chỉ vàng 24k (tương đương số tiền 16.965.000 đồng) và số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản nợ là 66.965.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Thủy có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Tình, bà Sang chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên thì hàng tháng ông Tình, bà Sang còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay 50.000.000 đồng của bà Huỳnh Thị Thủy.

3/ Về án phí dân sự có giá ngạch: Buộc ông Huỳnh Văn Tình và bà Nguyễn Thị Sang phải nộp 3.349.000 đồng (Ba triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Trả lại cho bà Huỳnh Thị Thủy số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.700.000 đồng theo biên lai số 0009791 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4/ Quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Thủy có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Văn Tình và bà Nguyễn Thị Sang có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thảo